

Bản án số: 43/2023/HS-PT
Ngày 12-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Bà Vũ Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình C và bị cáo Đồng Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1985, tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; con ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Lê Thị Thu H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Đồng Văn H**, sinh năm 1970, tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; con ông Đồng Văn C và bà Tạ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

1. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1999, tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Hoàng Văn N và bà Hoàng Thị D; Có vợ là Dương Thị T (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Hoàng Văn P, sinh năm 1989 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T; Có vợ là Lê Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Trần Văn H, sinh năm 2001 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 7, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H; Chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Trần Thị P, sinh năm 1972 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 8, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Con ông Trần Văn N và bà Trần Thị T (đều đã chết); Có chồng là Trần Văn C và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Hoàng Văn Đ, sinh năm 1997 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 4, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Hoàng Văn Đ và bà Bùi Thị H; Chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Trần Văn P, sinh năm 1973 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 6, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Trần Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị P (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Hoàng Văn L, sinh năm 1990 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 5, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động

tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Hoàng Văn B và bà Đặng Thị L; Có vợ là Mạc Thị Thu H và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2022.

8. Đồng Văn Đ, sinh năm 1985 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Đồng Văn L và bà Đặng Thị K; Có vợ là Đoàn Thị Xuân T và có 01 con sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2022.

9. Hoàng Văn K, sinh năm 1984 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Con ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2022.

10. Trần Văn Đ, sinh năm 1984 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 7, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị V; Có vợ là Trịnh Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Hoàng Văn P, sinh năm 1986 tại thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Con ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Trịnh Thị H và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án: Bản án số 101/2017/HS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm ngày 30/3/2018 (chưa xóa án tích). Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 27/4/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Thủy Nguyên kết hợp với Công an xã Cao Nhân phát hiện bắt quả tang tại nhà Đồng Văn H ở thôn 9, xã Cao Nhân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có các đối tượng gồm Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn P (sinh năm 1989) và Nguyễn Đình C đang tổ chức, canh gác cho Trần Văn H, Trần Thị

P, Hoàng Văn Đ, Trần Văn P, Trần Văn Đ, Hoàng Văn P (sinh năm 1986) và Hoàng Văn L đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” được thua bằng tiền. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.400.000 đồng, 01 chiếu cói, 01 bộ bát đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt ra từ bộ bài tú lơ khơ. Thu giữ trên người các đối tượng: P (sinh năm 1989) số tiền 1.650.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo gắn sim số 0967.053.291; Đ số tiền 1.900.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone S gắn sim số 0356.859.313; H số tiền 14.500.000 đồng; P số tiền 8.100.000 đồng; Điều số tiền 8.000.000 đồng; Trần Thị P số tiền 7.200.000 đồng. Quá trình bắt giữ, Đồng Văn H không có mặt ở nhà; C, Hoàng Văn P (sinh năm 1986) và L bỏ chạy thoát. Tổ công tác đã đưa các đối tượng cùng vật chứng về trụ sở Công an xã Cao Nhân lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Quá trình điều tra, các đối tượng khai tham gia đánh bạc còn có Hoàng Văn K và Đồng Văn Đ. Ngày 28/4/2022 và các ngày 14,18,19/5/2022 lần lượt các đối tượng Nguyễn Đình C, Đồng Văn H, Hoàng Văn K, Đồng Văn Đ, Hoàng Văn P và Hoàng Văn L đến trụ sở Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú. C tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung gắn sim số 0386.870.620 (dùng để gọi điện thông báo cảnh giới cho đám bạc).

Khi tham gia đánh bạc, các đối tượng sử dụng tiền đánh bạc như sau: Hoàng Văn P mang theo 1.650.000 đồng, khai không sử dụng để đánh bạc; Đ mang theo 100.000 đồng không sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt thu của Đ 1.900.000 đồng (trong đó có 1.800.000 đồng tiền hò); Trần Văn H mang theo 12.000.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc, khi công an bắt giữ thu trên người H số tiền 14.500.000 đồng; Trần Văn P mang theo 4.000.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc, khi công an bắt giữ thu trên người P 8.100.000 đồng; Hoàng Văn Đ mang theo 5.000.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc, khi công an bắt giữ thu trên người Đ 8.000.000 đồng; Trần Thị P mang theo 7.800.000 đồng để đánh bạc, thua bạc, khi công an bắt thu trên người P 7.200.000 đồng; Trần Văn Đ mang theo 2.000.000 đồng, Hoàng Văn P mang theo 320.000 đồng, đều dùng để đánh bạc và thắng bạc, khi công an bắt giữ Đ, P bỏ hết tiền xuống chiếu bạc; Hoàng Văn L mang theo 3.500.000 đồng, Đồng Văn Đ mang theo 3.000.000 đồng, Hoàng Văn K mang theo 2.000.000 đồng, đều dùng để đánh bạc và bị thua hết số tiền trên. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 46.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án nêu trên, Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 05/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã xét xử:

- Căn cứ vào các điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, được trừ đi 09 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022), bị cáo Hoàng Văn Đ còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào các điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, được trừ đi 09 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022), bị cáo Nguyễn Đình C còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào các điểm c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, được trừ đi 09 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022), bị cáo Hoàng Văn P (sinh năm 1989) còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Văn H 15 tháng tù về tội “Gá bạc”, được trừ đi 09 ngày đã bị tạm giữ (từ ngày 28/4/2022 đến ngày 06/5/2022), bị cáo Đồng Văn H còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P (sinh năm 1986) 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù của bản án số 101/2017/HS-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, buộc bị cáo Hoàng Văn P (sinh năm 1986) phải chấp hành hình phạt chung là 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị P 12 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn P 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 09

tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đồng Văn Đ 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/01/2023, các bị cáo Nguyễn Đình C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đồng Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo ngoài xã hội. Ngày 10/02/2023, bị cáo Nguyễn Đình C kháng cáo bổ sung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo xin được sự khoan hồng của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là đúng tội và đúng pháp luật, áp dụng mức hình phạt là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không xuất trình được thêm tài liệu chứng cứ là tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội và xác định tội danh: Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bởi lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa nên có đủ căn cứ xác định: Ngày 27/4/2022 các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn P (sinh năm 1989) và Nguyễn Đình C đã bàn bạc, thống nhất và cùng nhau thực hiện hành vi thuê địa điểm, phân công người canh gác cảnh giới, chuẩn bị dụng cụ để tổ chức cho các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị P, Hoàng Văn Đ, Trần Văn P, Hoàng Văn K, Hoàng Văn P (sinh năm 1986), Hoàng Văn L, Đồng Văn Đ và Trần Văn Đ đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa trái phép được thua bằng tiền. Bị cáo Đồng Văn H cho phép các đối tượng đánh bạc trái phép tại nhà của mình nhằm hưởng lợi số tiền 500.000 đồng/ngày. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 46.000.000 đồng. Với hành vi nêu trên, các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn P (sinh năm 1989) và Nguyễn Đình C đã đồng phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại các điểm c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đồng Văn H đã phạm tội “Gác bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị P, Hoàng Văn Đ, Trần Văn P, Hoàng Văn L, Đồng Văn Đ, Hoàng Văn K, Trần Văn Đ và Hoàng Văn P (sinh năm 1986) đã đồng phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình

sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đình C, bị cáo Đồng Văn H về các tội danh như đã nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về phân hóa vai trò: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp thu ý chí của nhau và cùng thực hiện hành vi phạm tội, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc tương đối lớn. Phân hóa vai trò đồng phạm, xét thấy bị cáo Đ là người khởi xướng và thực hành tích cực tổ chức đánh bạc nên có vị trí vai trò cao nhất, hai bị cáo P (sinh năm 1989) và C là người thực hành tích cực tổ chức đánh bạc có vị trí vai trò ngang nhau và thấp hơn bị cáo Đ. Bị cáo H cho thuê địa điểm để các bị cáo tổ chức đánh bạc và đánh bạc để hưởng lợi 500.000 đồng/ngày, bị cáo H có vị trí vai trò như hai bị cáo P (sinh năm 1989) và C. Các bị cáo phạm tội đánh bạc có vai trò như nhau, hai bị cáo H và Trần Thị P sử dụng số tiền để đánh bạc lần lượt là 12.000.000 đồng và 7.800.000 đồng nhiều hơn các bị cáo còn lại nên có vai trò cao hơn các bị cáo còn lại, bị cáo P (sinh năm 1986) tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất 320.000 đồng nên có vai trò thấp nhất. Phân tích vai trò của các bị cáo Nguyễn Đình C, Đồng Văn H như Tòa án cấp sơ thẩm đã nêu là có cơ sở.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo C, H ra đầu thú, bị cáo H còn có thời gian tham gia quân đội nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, tội phạm về đánh bạc hiện nay đang có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có cơ sở, đã đúng và đầy đủ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc và gá bạc và buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định nhằm trừng trị, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Việc xác định vị trí, vai trò đồng phạm và áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình C và bị cáo Đồng Văn H trong vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác cho bị cáo. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình C và bị cáo Đồng Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đình C và bị cáo Đồng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2023/HS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- PV06 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS huyện Thủy Nguyên;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh Sơn